

Soạn A closer look 2 - Unit 12 lớp 9 SGK trang 75, 76

1. Complete each second sentence so that it has a similar meaning

(Hoàn thành mỗi câu thứ hai để mà nó có nghĩa tương tự với câu đầu tiên, không viết nhiều hơn 3 từ.)

1. loving maths	2. studying hard	3. laziness	4. being short	5. poor health
-----------------	------------------	-------------	----------------	----------------

Hướng dẫn dịch

- Mặc dù cô ấy thích toán, cô ấy đã quyết định trở thành giáo viên tiếng Anh.
- Anh ấy học rất chăm chỉ, nhưng anh ấy không đỗ kỳ thi.
- Mặc dù anh ấy lười, anh ấy vẫn có việc làm.
- Mặc dù anh ấy thấp, anh ấy đã được nhận vào đội bóng chuyên.
- Mặc dù cô ấy sức khỏe yếu, cô ấy làm việc 12 giờ mỗi ngày.

2. Circle the correct words or phrases in bold. Sometimes

(Khoanh chọn từ/ cụm từ in đậm đúng. thỉnh thoảng cả hai từ đều đúng.)

1. to give	2. to pass	3. choosing	4. talking	5. to employ	6. to talk/talking
------------	------------	-------------	------------	--------------	--------------------

3. Choose the correct answer(s).

(Chọn đáp án đúng.)

1.A	2.A	3.C	4.C	5.A and C	6. B
-----	-----	-----	-----	-----------	------

Hướng dẫn dịch

- Nhà trường được mong đợi cung cấp những công dân tốt cho xã hội.
- Hiệu trưởng hứa sẽ cung cấp các chương trình học thiết thực cho học sinh.

3. Công ty thừa nhận đã đuổi các nhân viên không trung thành.
4. Cô ấy không ngại làm việc chăm chỉ để đạt được mục đích nghề nghiệp của cô ấy.
5. Có thể là quá trễ khi bắt đầu học các kĩ năng nghề nghiệp sau khi bạn ra trường.
6. Ngày càng nhiều học sinh có xu hướng học trường nghề hơn là trường trung học cơ sở.

4. Complete the sentences using the ideas in the pictures

(Hoàn thành những câu sau dùng những ý tưởng trong tranh và dạng đúng của động từ trong ngoặc.)

1. to lock	2. meeting	3. to contact	4. to send
5. working	6. talking	7. posting	8. to answer

5. Complete each second sentence using the right form of the word

(Hoàn thành mỗi câu thứ hai sử dụng dạng đúng của từ được cho để có nghĩa tương tự với câu đầu tiên, Viết khoảng 2 đến 5 từ.)

1. The boy **finally managed to deal with** his peers at the vocational school.
2. She **attempted to cooperate with** the others in the team to finish the work.
3. He wasn't promoted **in spite of his efforts**.
4. The boss **denied bullying** the new employee.
5. **Despite being qualified** for the job, he wasn't accepted./ **Despite qualifying** for the job, he wasn't accepted.